TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HS-ST
Ngày 23-05-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá T;

2. Ông Lương Phi S.

- Thư ký phiên toà: Bà Lý Ngọc Thúy V – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Tiểu M – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Trung H, sinh năm 1985; Nơi sinh: Cần Thơ; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà D, tổ A, khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Trương Thị Kim H1, sinh năm: 1964; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án và tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 06/11/2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản". Bản án này H đã chấp hành xong và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/01/2025 (có mặt tại phiên tòa).

***Những người tham gia tố tụng khác*:**

- Bị hại: Ông **Nguyễn Tiến L,** sinh năm 1966; Địa chỉ: khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông **Trương Văn Đ**, sinh năm 1959; Địa chỉ: tổ A, khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

2. Ông **Cao Phúc T1**, sinh năm 1984; Địa chỉ: khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 27/11/2024 Nguyễn Trung H nhìn thấy tại khu vực chợ Đ1 thuộc phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long có một con chó kiểng lông xù, màu trắng đi lạc (không biết là của ai), nên H đã bắt con chó bỏ vào trong cái bao đem về nhà. Sau đó, H nhờ ông Trương Văn Đ, sinh năm 1959, nơi cư trú: tổ A, khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long chở H đến quán thịt cầy "6 Lục" của ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1966, thường trú: khóm Đ, phường Đ, thị xã B để bán con chó. H thỏa thuận thống nhất với ông L giá bán con chó là 200.000 đồng, sau đó H giao con chó cho ông L mang ra phía sau quán để nhốt lại. Trong lúc chờ ông L quay ra thì H phát hiện trên cái kệ bên trong quán có một cái điện thoại di động hiệu OPPO A38 màu đen nên H nảy sinh ý định lấy trộm. Lợi dụng lúc ông L chưa quay lại thì H đã lén lút lấy cái điện thoại bỏ vào trong túi quần. Ông L nhốt chó xong thì quay lại trả H 200.000 đồng nhưng không phát hiện đã mất cái điện thoại di động. H nhận tiền xong thì ra xe để ông Đ chở về nhà, ông Đ cũng không hay biết việc H lấy trộm cái điện thoại của ông L.

Sau khi về đến nhà H lấy cái điện thoại ra thì ông Đ có hỏi "ở đâu có điện thoại" thì H trả lời mới lượm được (ông Đ không biết H lấy trộm điện thoại). Sau đó, H tiếp tục nhờ ông Đ tìm chỗ để H cầm cố tài sản, nên ông Đ chở H đến tiệm cầm đồ "Toàn T2" ở khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do anh Cao Phúc T1, sinh năm 1984, nơi thường trú: khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long làm chủ. Khi đến nơi H không trực tiếp vào cầm điện thoại mà nhờ ông Đ vào cầm dùm. Ông Đ vào cầm được 700.000 đồng, sau đó đem tiền ra đưa H rồi điều khiển xe chở H về nhà. Khi về đến nhà thì H trả ông Đ 70.000 đồng, tiền công ông Đ chở H đi bán chó và chở đi cầm điện thoại. H dùng số tiền còn lại để mua ma túy sử dụng cho bản thân.

Sau khi H bán con chó xong, rời khỏi quán thì ông Nguyễn Tiến L mới phát hiện bị mất 01 điện thoại di động hiệu OPPO A38 màu đen, ông L trích xuất camera của gia đình xem thì phát hiện người lấy trộm là Nguyễn Trung H (người thanh niên vừa bán con chó), nên ông L trình báo Công an.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 38/KL.ĐGTS ngày 20/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Một điện thoại di động hiệu OPPO A38 màu đen đã qua sử dụng, số Imel1: 866654066015030, số Imel2: 866654066015022 có giá trị 3.332.000 đồng.

- Vật chứng thu giữ:

+ Một cái điện thoại di động hiệu OPPO A38 màu đen đã qua sử dụng, số Imel1: 866654066015030, số Imel2: 866654066015022, do Cao Phúc T1 giao nộp;

+ 01 đoạn camera có thời lượng 04 phút 28 giây được trích xuất tại cửa hành dịch vụ cầm đồ mua bản và sửa chữa Toàn Tiền ngày 27/11/2024 ghi lại hình ảnh ông Đ và H đến tiệm Toàn T2 để cầm điện thoại (lưu kèm theo hồ sơ vụ án);

+ 01 đoạn camera có thời lượng 03 phút 08 giây được ông Nguyễn Tiến L giao nộp ghi lại hình ảnh người thanh niên lấy trộm điện thoại (lưu kèm theo hồ sơ vụ án).

Tại bản Cáo trạng số: 21/CT-VKSBM, ngày 10/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như Bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá tích chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị lưu kèm hồ sơ đối với 01 đoạn video có thời lượng 04 phút 28 giây và 01 đoạn video có thời lượng 03 phút 08 giây.

- Về dân sự: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, các vấn đề khác bị cáo thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng là hợp pháp.

[2] Xét việc: Nguyễn Tiến L là người bị hại, Trương Văn Đ và Cao Phúc T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Tuy nhiên, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Những người này đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt.

[3] Tại phiên Tòa, bị cáo Nguyễn Trung H khai nhận:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 27/11/2024 bị cáo đến quán thịt cầy "6 Lục" thuộc địa bàn thị xã B để bán con chó thì phát hiện một điện thoại di động hiệu OPPO A38 màu đen của ông Nguyễn Tiến L (chủ quán) nên nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi bị cáo lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO A38 màu đen của ông L thì đem đến tiệm cầm đồ "Toàn T2" để cầm cố. Bị cáo thừa nhận hành vi trên của bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật như cáo trạng đã nêu.

[4] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, là người có sức khỏe, nhưng thích sống hưởng thụ, lười lao động nên dẫn đến việc phạm tội như trên. Qua đó cho thấy ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó cần phải có một mức án nghiên đối với bị cáo để bị cáo nhận thức được lỗi lầm của mình và trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đồng thời cũng thể hiện được tính

nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Bị cáo đã khắc phục thiệt hại gây ra; Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Nên áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A38 màu đen đã qua sử dụng sau khi định giá tài sản Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Tiến L nhận xong.

+ Lưu kèm hồ sơ 02 đĩa DVD ghi hình lúc hỏi cung và 01 đoạn camera được trích xuất tại cửa hành dịch vụ cầm đồ mua bán và sửa chữa Toàn Tiền; 01 đoạn camera được ông Nguyễn Tiến L giao nộp ghi lại hình ảnh người thanh niên lấy trộm điện thoại.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Các vấn đề có liên quan:

- Đối với Trương Văn Đ: Ông Đ có hành vi chở bị cáo đi cầm cố tài sản và là người trực tiếp giao dịch cầm cố điện thoại cho anh Cao Phúc T1 nhưng không biết điện thoại là do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với Cao Phúc T1: Anh T1 đã nhận cầm cố điện thoại nhưng không biết điện thoại do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng:

- Ghi nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại ông Nguyễn Tiến L 01 điện thoại di động hiệu OPPO A38 màu đen đã qua sử dụng.

+ Lưu kèm hồ sơ 02 đĩa DVD ghi hình lúc hỏi cung và 01 đoạn camera được trích xuất tại cửa hành dịch vụ cầm đồ mua bán và sửa chữa Toàn Tiền; 01 đoạn camera được ông Nguyễn Tiến L giao nộp ghi lại hình ảnh người thanh niên lấy trộm điện thoại.

4. Các vấn đề có liên quan:

- Ông Trương Văn Đ có hành vi chở bị cáo đi cầm cố tài sản và là người trực tiếp giao dịch cầm cố điện thoại cho anh Cao Phúc T1 nhưng không biết điện thoại là do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

- Anh Cao Phúc T1 đã nhận cầm cố điện thoại nhưng không biết điện thoại do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

5. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai bị cáo mặt tại phiên Toà, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- Chi cục THADS TX Bình Minh;
- CQĐT Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Công an phường Đông Thuận;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh T